

-----00000-----

-----00000-----

Số: 01/TB-XTAG

(V/v Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

An Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

ĐỀN

Số: 14576

Ngày: 28/4/2026

Chuyển:

Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Sở Xây Dựng tỉnh An Giang

Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số: 3491/SXD-QLCLCT ngày 17/04/2026 V/v tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

Công Ty TNHH Kiểm định Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Xuân Trường AG công bố, công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XUÂN TRƯỜNG AG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602075935, cấp lần đầu ngày 04/07/2018, thay đổi lần thứ 4: ngày 19/10/2025 do Phòng Doanh nghiệp – Hợp tác Đầu tư cấp.

- Địa chỉ: Số 130, Mai Hắc Đế, phường Bình Đức, tỉnh An Giang.

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Hoàng Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0974272853 Email: hoangmtag@gmail.com

- Mã số thuế: 1602075935

- Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định chất lượng công trình

- Địa chỉ PTN : Số 39, tuyến N7, khóm Tây Khánh 2, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Trưởng phòng thí nghiệm: Đỗ Minh Triết

- Điện thoại: 0919391394 Email: minhtriet1903@gmail.com

1.3 Thông tin trạm thí nghiệm: không có

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

T T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1.	Xác định độ mịn bằng phương pháp sàng, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023;	Sàng (kích thước mắt 0,09; 0.08; 0.045mm), cân kỹ thuật 3200g/0.01g, và cân phân tích 320g/0,001g, tủ sấy 300 ^o C/1 ^o C, Bình khối lượng riêng cổ cao.	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011;	Máy nén, tủ dưỡng mẫu xi măng	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012;	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn (10,00 ± 0,05) mm, kim xuyên bắt đầu đông kết (1,13 ± 0,05) mm, kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm (chảo trộn, bay trộn hồ, cân điện tử 30kg /1g, ống đong, đồng hồ bấm giây.	
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4.	Kiểm tra chất lượng bê tông đối với bê tông có cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
5.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	
6.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 500mm, đồng hồ bấm giây.	

7.	Xác định giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), số: 2308236 , đệm truyền tải	
8.	Xác định thành phần cấp phối cho bê tông và vữa	QĐ số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998; TCVN 10796:2015	Khuôn đúc mẫu, khay bay chảo trộn, cối trộn, Máy nén mẫu	
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DÀM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC				
9.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân đĩa 30kg/1g , dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...	
10.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27-24	Cân kỹ thuật 3200g/ 0,01g, cân đĩa 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng (50;37.5;25;19;16;12.5;9.5;4.75; 2.36;1.18;0.425; 5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm); tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C	
11.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T19; AASHTO T85; AASHTO T225; ASTM C12 ; ASTM C128; ASTM C29	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
12.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014; ASTM C127; ASTM C566 ; ASTM C70; AASHTO T85;	Cân kỹ thuật 3200/0.01g, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C.	
13.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29-17a	Thùng đong, cân đĩa 30kg/1g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C, thước lá kim loại.	
14.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566 ; ASTM D2216	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, hộp đựng mẫu.	
15.	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117 ; ASTM C142 ;AASHTO T112	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	

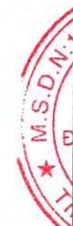
16.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.
17.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số: 2308236, máy khoan, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu.
18.	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM D2938 ; ASTM C131	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số: 2308236, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng tiêu chuẩn 5mm;2.5mm;1,25mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu.
19.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, máy quay mài mòn Los Angeles.
20.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân đĩa 30kg/1g , bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C
21.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân phân tích 320g/0.001g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, lò nung 1000 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ.
22.	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN7572-15:2006	Cân phân tích 320g/0.001g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF,NaOH,
23.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân phân tích 320g/0.001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.
24.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích 320g/0.001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm,

5935
 CÔNG TY
 THƯƠNG MẠI
 VÀ
 DỊCH VỤ
 CÔNG
 GIA

			giấy nhám , đũa thủy tinh.	
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
25	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
26	Lấy mẫu	TCVN 3121-2: 2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, dụng cụ súc, bình chứa, bay dao nề, máy trộn	
27	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, thước kẹp, bàn dần, khâu hình côn.	
28	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, bình đong bằng kim loại không rỉ có thể tích 1L, đường kính trong 125mm	
29	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022	Khâu đựng vữa hình côn, kim đâm xuyên , Vòng đệm Cân kỹ thuật 10 kg, có vạch chia tới 100 g; Đồng hồ bấm giây; Phòng/thùng dưỡng hộ mẫu (nhiệt độ 270C ± 2 0C, độ ẩm 95 % ± 5 %); Bay, chảo,...	
30	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 2022	Cân kỹ thuật 30kg/1g; tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; thước kẹp có độ chính xác tới 0,1 mm; Cân thủy tĩnh.	
31	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2022	Khuôn. Chày đầm mẫu. Tủ dưỡng hộ. Tấm kính. Máy thử uốn. Máy nén.	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG				
32	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước lá.	Đỗ Minh Triết; Nguyễn
33	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số : 2308236, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	
34	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số : 2308236, thước cặp điện tử	

			200mm/0.01mm	Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
35	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...	
36	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thước lá kim loại...	
37	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0,01g, thùng chứa mẫu, tấm kính, cát.	
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
38	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước lá.	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
39	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số : 2308236, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	
40	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...	
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG				
41	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước lá.	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
42	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân đĩa 30kg/1g, thùng chứa mẫu, tấm kính, cát ...	
43	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, số : 2308236 thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	
44	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm và bể ngâm mẫu, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, Cân kỹ thuật 30kg/1g	
45	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Cân đĩa 30kg/1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...	
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO				
46	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Thước; thước nivô; thước lá; tủ sấy; cân; khăn ẩm; thùng chứa nước; sấp; bàn chải; nước sạch	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
47	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn; thước đo; các miếng kính; bay; chảo	
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ (BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP)				

48.	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 9030:2017	Thước thép dài 1000mm/1mm, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước đo góc.	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
49.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu.	
50.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, số : 2308236 thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	
51.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030: 2017	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), bình hút ẩm, thước kẹp điện tử 300mm (0.01mm) , thước lá kim loại, cân kỹ thuật 3200g /0,001g	
THỬ NGHIỆM ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN				
52.	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 4732:2016	Thước thép dài 1000mm/1mm, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước đo góc.	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
53.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3: 2016	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu.	
54.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4: 2016	Máy thử uốn; thước đo; bộ gối uốn	
55.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6415-3: 2016	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thước lá kim loại...	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG				
56.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
57.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012 ; TCVN 10322:2014	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g , các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), bình hút ẩm.	
58.	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Máy nén Marshall 50kN(d= 0.005 kN), khuôn CBR + tấm gia tải, đồng hồ so đo trương nở, bộ cối chày đầm CBR, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), cân điện tử 30kg/1g, cân kỹ thuật 3200g/0.01g, sàng tiêu chuẩn (50; 19; 4.75mm), hộp đựng ẩm.	
59.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén procto	TCVN	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến ,cân đĩa 30kg/1g, Cân kỹ	

	trong phòng thí nghiệm	4201:2012	thuật 3200g/0.01g, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm	
60	Thí nghiệm đất, đá dăm trong công trình giao thông, đầm nén proctor	TCVN 12790:2020	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, cân đĩa 30kg/1g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm	
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN				
61	Thử kéo thép (thanh, thép hình, thép tấm)	TCVN 197:2014	Máy thử kéo – nén WEW-1000B (0-1000 kN), số : 2308235, bộ ngàm kéo, cân kỹ thuật 30kg/1g, thước thép 1000mm.	 Đỗ Minh Triết; Nguyễn Thiệt Nhu; Trương Ngọc Thuận
62	Thử uốn (thanh, thép hình, thép tấm)	TCVN 198:2008; TCVN 7937 -1 :2013, TCVN 7937 -2 :2013, TCVN 7937 -3 :2013	Máy thử kéo – nén WEW-1000B (0-1000 kN), số : 2308235, bộ gối uốn	
63	Kiểm tra chất lượng mối hàn vật liệu kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy thử kéo – nén WEW-1000B (0-1000 kN), số : 2308235, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	
64	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010,	Máy thử kéo – nén WEW-1000B (0-1000 kN), số : 2308235, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	
65	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo – nén WEW-1000B (0-1000 kN), số : 2308235, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	
66	Thử cấp độ bền kéo bu lông, vít, đai ốc	TCVN 197:2014	Máy thử kéo – nén WEW-1000B (0-1000 kN), số : 2308235, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm; bộ chuông kéo bu lông	
67	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ	TCVN 4396 :2018	Thiết bị kiểm tra từ tính- model MP - S/N : 220865	

THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
68.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm tách nhựa, Giấy lọc, tủ sấy 300°C/1°C, lò nung 1000°C/1°C, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật 30kg/1g, cân kỹ thuật 3200g/0.01g và các dụng cụ phụ trợ...
69.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075), tủ sấy 300°C/1°C, bếp điện, lò nung 1000°C/1°C, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật 30kg/1g, cân kỹ thuật 3200g/0.01g và các dụng cụ phụ trợ...
70.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp đặt khay hứng nhựa	TCVN 8863:2011	Các khay bằng tôn mỏng 25x40x4cm, cân kỹ thuật 30kg/1g, cân kỹ thuật 3200g/0.01g và các dụng cụ phụ trợ...
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
71.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012	Dao dai tròn bằng thép, cân kỹ thuật 3200g/0,01g, cân đĩa 30kg/1g, dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, tủ sấy 300°C/1°C
72.	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012	Phễu rót cát, búa đục, cọ, cân đĩa 30kg/1g, bếp ga, tủ sấy 300°C/1°C
73.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, kiểu : JZC -3, nệm đo khe hở, cọ quét
74.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Belkenman	TCVN 8867:2011	Tấm ép đk 33cm, kích thủy lực 0÷200kN, Đồng hồ áp (0-600) kg/cm ² , đồng hồ so 10mm, 50mm
75.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép đk 76;61;46;33cm, kích thủy lực 0÷200kN, Đồng hồ áp (0-600) kg/cm ² , đồng hồ so 10mm; 50mm
76.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Bộ đo nhám mặt đường
77.	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép kích thước 50x50cm, Kích thủy lực 500 tấn hệ thống bơm áp, đồng hồ so 0÷50mm cơ

Đỗ Minh
Triết;
Nguyễn
Thiệt Nhu;
Trương
Ngọc
Thuận;
Trần Minh
Lời

Đỗ Minh
Triết;
Nguyễn
Thiệt Nhu;
Trương
Ngọc
Thuận;
Trần Minh
Lời; Lê
Thị Mỹ
Duyên;
Nguyễn
Trung
Hậu;
Nguyễn
Hồ Minh
Kiệt



			hoặc điện tử
78	Cọc. phương pháp thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, đồng hồ so, dầm chuẩn, tấm đế...
79	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006	Máy nén, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, máy khoan.
80	Quan trắc chuyển vị ngang nhà công trình; đo độ lún công trình	TCVN 9360:2012	Máy toàn đạc, máy thủy bình
81	Độ ẩm, KLTT khô của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006	Phễu rót cát, búa đục, cọ, cân đĩa 30kg/1g, bếp ga, tủ sấy 300 ⁰ C/1 ⁰ C

2.2 Danh mục máy móc, thiết bị:

S TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ	Kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất, Nước sản xuất	Tình trạng	Thời hạn hiệu chuẩn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Máy thử kéo nén	WE-1000B; khả năng 1000 kN	Trung Quốc; Sản xuất năm 2023	Hoạt động bình thường	24/12/2026
2	Máy thử nén	TYA-2000B; khả năng 2000 kN	Trung Quốc; Sản xuất năm 2023	Hoạt động bình thường	24/12/2026
4	Máy Nén CBR-II (vòng lực 60kN)	Số hiệu 208; khả năng 60 kN	Trung Quốc; Sản xuất năm 2023	Hoạt động bình thường	24/12/2026
5	Cân kỹ thuật (3200g)	BNT 202301372; khả năng 3200g	Mỹ; Sản xuất năm 2023	Hoạt động bình thường	24/12/2026
6	Cân điện tử (30000g)	TBS21110614; khả năng 30000g	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
7	Tủ sấy	101-2A; Phạm vi nhiệt độ 300 ⁰ C	Trung Quốc; Sản xuất năm 2022	Hoạt động bình thường	24/12/2026
8	Thước cặp điện tử	1108-200; (0+200) mm	INSIZE; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
9	Máy gông từ	KY-Z; Công suất 60 Hz, nguồn điện 220v	Magnatest; Sản xuất năm 2023	Hoạt động bình thường	24/12/2026
10	Lò nung	SX2-4-10; Phạm vi đo (0-1000) ⁰ C	Trung Quốc; Sản xuất năm 2023	Hoạt động bình thường	24/12/2026
11	Cần Benkelman	Số 152; Tỷ lệ cánh tay đòn 1:2	Việt Nam; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
12	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 160 kN	Số hiệu 1111; Khả năng tạo tối đa 160 kN	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
13	Kích thủy lực 2000 kN	Số hiệu 68606; Khả năng tạo tối đa 2000 kN	N/A; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
14	Kích thủy lực 400 kN	Số hiệu 1112; Khả năng tạo tối đa 400	Việt Nam; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026

		kN			
15	Đồng hồ so (0-50)mm	Số hiệu 900240; Phạm vi đo (0-50)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
16	Đồng hồ so (0-50)mm	Số hiệu 900210; Phạm vi đo (0-50)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
17	Đồng hồ so (0-50)mm	Số hiệu 900357; Phạm vi đo (0-50)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
18	Đồng hồ so (0-50)mm	Số hiệu 900186; Phạm vi đo (0-50)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
19	Đồng hồ so (0-10)mm	Số hiệu 401; Phạm vi đo (0-10)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026
20	Đồng hồ so (0-10)mm	Số hiệu 78382; Phạm vi đo (0-10)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
21	Đồng hồ so (0-10)mm	Số hiệu 78383; Phạm vi đo (0-10)mm	Trung Quốc; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
22	Máy đo điện trở tiếp đất	Kiểu 4105A; Phạm vi đo (0-1999) Ω	Thái Lan; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	31/12/2026
23	Máy quay ly tâm	Số hiệu 2024188; Phạm vi tốc độ (Speed range) : (Max) 3600 rpm	Việt Nam; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
24	Máy Los Angeles	TA-12	Việt Nam; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	24/12/2026
25	Búa thử bê tông	ZC3-A; Phạm vi đo (Range): (10+100) R + Giá trị độ chia (Division): 2 R	N/A; Sản xuất năm N/A	Hoạt động bình thường	25/12/2026

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung tích, khuôn đúc, v.v.... Và hệ thống máy móc trang thiết bị khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn đúng quy định.

2.3 Danh sách cán bộ thí nghiệm viên:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Các chứng chỉ đào tạo	Công việc được giao
1	2	3	4	5	6
1	Đỗ Minh Triết	1981	Đại học xây	- Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC	Trưởng phòng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Các chứng chỉ đào tạo	Công việc được giao
			dựng dân dụng và công nghiệp	17025:2017; - Chứng chỉ sơ cấp nghề thí nghiệm kiểm định vật liệu và cấu kiện công trình xây dựng; - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và vật liệu xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	Thí nghiệm
2	Nguyễn Thiện Nhu	1995	Kỹ sư - Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	- Thử nghiệm cơ lý gạch xây và ngói lợp; - Xây dựng công trình giao thông; - Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ lý đất trong phòng thí nghiệm, hiện trường; - Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá huỷ; - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ lý của nước cho xây dựng; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Phương pháp xác định tính chất hoá học của vật liệu xây dựng; - Kiểm tra không phá huỷ mối hàn – phương pháp dùng bột từ.	Thí nghiệm viên
3	Trương Ngọc Thuận	2002	Cao đẳng xây dựng	- Thí nghiệm, kiểm định vật liệu xây dựng công trình giao thông; - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc;	Thí nghiệm viên



TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Các chứng chỉ đào tạo	Công việc được giao
				- Thí nghiệm, kiểm định vữa, BTXM và vật liệu chế tạo; - Thí nghiệm kim loại và liên kết hàn; - Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa.	
4	Lê Thị Mỹ Duyên	2007	Trung cấp xây dựng	- Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông.	Thí nghiệm viên
5	Trần Minh Lờ	1999	Cao đẳng xây dựng	- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông - vật liệu bê tông trong phòng thí nghiệm, hiện trường; - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa - vật liệu bê tông trong phòng thí nghiệm, hiện trường;	Thí nghiệm viên
6	Nguyễn Trung Hậu	2002	Cao đẳng xây dựng	- Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra hệ thống chống sét;	Thí nghiệm viên
7	Nguyễn Hồ Minh Kiệt	2002	Cao đẳng xây dựng	- Kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp siêu âm;	Thí nghiệm viên

Công Ty TNHH Kiểm Định Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Xuân Trường AG chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



Nguyễn Văn Hoàng